TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **151**/2023/DS-ST
Ngày: 26/6/2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Tuấn Tú.

2. Ông Nguyễn Văn Cường.

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Cà Thị Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa**: Nguyễn Hoàng Phúc, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2023/QĐXXST-DS ngày 04/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2023/QĐST-DS ngày 04/5/2023 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số 80/2023/TB-TA ngày 04/6/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thu S, sinh năm **xxxx** (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Phạm Thị L, sinh năm: **xxxx** (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Người làm chứng: Lê Hoàng Phi L1, sinh năm: **xxxx** (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số C Đ, khu phố A, phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Thu S là nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/3/2021 do cần tiền trả nợ ngân hàng nên chị L1 có dẫn chị S gặp chị Lê Hoàng Phi L1 ở thị xã G để vay số tiền là 400.000.000 đồng với lãi suất là

3%/tháng và có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị S. Tuy nhiên khi nhận tiền thì chị L1 kêu chị S chia bớt cho chị L1 130.000.000 đồng cũng với lãi suất là 3%/tháng, chị S đồng ý và có lập giấy thỏa thuận ghi ngày 05/3/2021.

Ngày 23/9/2021, chị L1 có hỏi chị S vay thêm 200.000.000 đồng thì được chị S đồng ý nên chị L1 đã tự liên hệ chị Phi L1 để lấy thêm số tiền 200.000.000 đồng và có làm biên nhận nhận tiền ghi ngày 23/9/2021.

Sau đó, chị L1 đã tự ý liên hệ chị Phi L1 để vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, đến khi chị S phát hiện sự việc thì chị S mới yêu cầu chị L1 làm biên nhận nhận tiền tổng cộng của các lần vay là 430.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng.

Chị L1 là người trực tiếp đóng lãi cho chị Phi L1 đến đầu tháng 01/2022 AL thì chị L1 ngưng không đóng lãi nữa nên chị S phải thay chị L1 trả lãi cho chị Phi L1 đối với số tiền 430.000.000 đồng. Do đó, chị S đã nhiều lần yêu cầu chị L1 trả tiếp tiền lãi và tiền vốn cho chị S để chị S trả cho chị Phi L1 nhưng chị L1 không trả mà hứa hẹn rồi né tránh cho đến nay.

Nay chị S khởi kiện yêu cầu chị L1 trả số tiền 430.000.000 đồng và tiền lãi tính từ 14/12/2021 âm lịch tương đương ngày 16/01/2022 dương lịch đến khi xét xử xong hết ngày 26/6/2023 là 17 tháng 10 ngày với mức lãi suất là 0,83%/tháng với tổng cộng số tiền lãi là 430.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 17 tháng 10 ngày = 61.862.700 đồng. Tổng cộng là 491.862.700 đồng, thời gian trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Chị Phạm Thị L là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị L cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của chị L đối với yêu cầu khởi kiện của chị S nên không có ý kiến trình bày.

* Chị Lê Hoàng Phi L1 là người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình tố tụng có lời khai như sau: Chị Phi L1 có cho chị S vay tiền 400.000.000 đồng, chị S là người trực tiếp nhận có ký giấy tờ vay mượn. Sau đó, chị Phi L1, chị S và chị L1 có hẹn lên phòng công chứng để ký giấy tờ nhưng chị S bận công việc không có mặt nên chị Phi L1 có điện thoại hỏi chị S xác nhận lại rồi chị Phi L1 mới giao 200.000.000 đồng cho chị Phạm Thị L. Sau đó, chị Phạm Thị L liên hệ chị Phi L1 nhận tiếp số tiền 100.000.000 đồng tại Phòng Công chứng, chị S cũng xác nhận và nói chị Phi L1 cứ đưa cho chị Phạm Thị L tiếp 100.000.000 đồng. Do tiền bạc mà chị Phạm Thị L và chị S làm như giấy tờ, chị Phi L1 cho vay mà cũng thấy lo nên chị Phi L1 mới điện thoại cho chị S và chị Phạm Thị L để xuống trực tiếp nhà chị S để 03 mặt một lời, nhưng chị S không đồng ý do chị S giấu chồng chị S nên cả 3 người gặp mặt ngoài đường ở gần nhà chị S. Chị S xác nhận có mượn của chị Phi L1 số tiền 700.000.000 đồng và chị Phi L1 có nghe trực tiếp chị Phạm Thị L xác nhận là có nhận của chị S số tiền 430.000.000 đồng, rồi cả 03 người mới làm giấy thỏa thuận vay tiền và chị Phi L1 có ký tên làm chứng việc chị Phạm Thị L có xác nhận vay của chị S số tiền 430.000.000 đồng.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu S, buộc chị Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho chị S số tiền vốn vay và lãi là 491.862.700 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị L ngụ tại ấp C, xã T, huyện G có trách nhiệm trả cho chị S số tiền vay là 430.000.000 đồng và tiền lãi nên đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xử vắng mặt bà Phạm Thị L.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu S và chị Phạm Thị L tự nguyện thỏa thuận vay tiền, có lập giấy vay tiền và có người làm chứng. Quá trình thực hiện, chị L tự mình trả tiền lãi cho người cho vay đến tháng 01 năm 2022 thì ngưng trả nên chị S phải trả tiền lãi thay cho chị L. Chị S đã nhiều lần yêu cầu chị L trả tiền nhưng chị L cứ hứa hẹn mà không trả tiền cho chị S khoản nào. Nay chị S khởi kiện yêu cầu chị L trả số tiền 430.000.000 đồng và tiền lãi tính từ 14/12/2021 âm lịch tương đương ngày 16/01/2022 dương lịch đến khi xét xử xong hết ngày 26/6/2023 là 17 tháng 10 ngày với mức lãi suất là 0,83%/tháng với tổng cộng số tiền lãi là 430.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 17 tháng 10 ngày = 61.862.700 đồng. Tổng cộng là 491.862.700 đồng, thời gian trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng thông báo cho chị L có người thân thích ký nhận nhưng chị L cũng không phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị S nên chị S không cần phải chứng minh đối với chứng cứ mà chị S đã cung cấp là phù hợp với quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử nhận thấy chị L vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L và chị L cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của chị L đối với yêu cầu khởi kiện của chị S, tuy nhiên việc vay mượn là do hai bên tự nguyện xác lập và được lập thành văn bản, có chị Lê Hoàng Phi L1 là người làm chứng xác

nhận trực tiếp nghe chị Phạm Thị L xác nhận có vay của chị S số tiền 430.000.000 đồng, có ký tên vào giấy vay tiền nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3.2] Về tiền lãi: Trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Thu S có yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của hai bên là 3%/tháng. Tuy nhiên chị L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và hơn nữa trong giấy vay tiền mà chị S cung cấp cho Tòa án không có ghi thỏa thuận lãi suất, hơn nữa mức lãi suất các bên thỏa thuận theo lời tình bày của chị S là vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định nên tại phiên tòa chị S thống nhất yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S được chấp nhận nên chị Phạm Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu S.

Buộc chị Phạm Thị L phải trả cho chị Nguyễn Thị Thu S số tiền 491.862.700 đồng (Trong đó tiền vốn là 430.000.000 đồng và tiền lãi là 61.862.700 đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu trả tiền thì hàng tháng phải trả tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: H lại chị Nguyễn Thị Thu S số tiền 5.752.000 đồng tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo biên lai thu số 0028069 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.674.508 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, đối với chị S kể từ ngày tuyên án và đối với chị L kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- CC.THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh